TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Bà Dương Thị Bạn;

2 Bà Phạm Thị Thu Yến.

***- Thư ký phiên* toà**: Ông Nguyễn Hoàng Tấn là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST - DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế B; địa chỉ: Tầng 1 (tầng triệt) và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower; số 111A Pasteur, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Văn Kh, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp Chùa Phật, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, tòa nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/12/2022) có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1994; nơi thường trú: Số 34/25 khu phố Bình Quới A, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Quốc Tế B và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, ông Nguyễn Văn Th và Ngân hàng TMCP Quốc Tế B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín dụng số 3858068.22, theo hợp đồng trên Ngân hàng đồng ý cho ông Th vay số tiền 840.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 25G AT GC, thời hạn vay 96 tháng từ ngày 31/3/2022 đến ngày 30/3/2030, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày

giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm. Trả nợ gốc vào ngày 16 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 16/4/2022, mỗi kỳ trả 8.750.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ.

Ngày 29/3/2022 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 840.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3858068 (1).22. Khoản vay có tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4210348.22 ngày 29/3/2022. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Tính đến ngày 05/01/2023, ông Nguyễn Văn Th đã thanh toán cho Ngân hàng đối với khoản vay trên được số tiền 86.419.831 đồng (trong đó nợ gốc 52.500.000 đồng, lãi trong hạn 33.919.831 đồng).

Ngoài ra, ngày 30/3/2022 khách hàng Nguyễn Văn Th có đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Thắng với hạn mức 45.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Rewards Unlimited, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Tính đến ngày 24/9/2023 ông Nguyễn Văn Th còn nợ Ngân hàng gồm:

- Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/03/2022 là 925,863,138 đồng, trong đó nợ gốc là: 787,500,000 đồng, nợ lãi là: 17,390,193 đồng, nợ lãi quá hạn là: 120,972,945 đồng.

- Dư nợ thẻ tín dụng là: 89,413,288 đồng, trong đó nợ gốc là: 42,487,869 đồng, nợ lãi là: 14,154,436 đồng, phí là 32,770,983 đồng.

Tổng cộng: 1,015,276,426 đồng (bằng chữ: Một tỷ, mười lăm triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn Th phải trả toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng. Ngoài ra, kể từ ngày 25/9/2023 ông Thắng phải tiếp tục có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản lãi, phí phát sinh trên số tiền dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng với ông Thắng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3858068 (1).22 ngày 29/3/2022; đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022, giấy báo có, giấy báo nợ, sao kê tài khoản giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Th.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng; triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không chấp hành và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân

sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thắng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Quốc Tế B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Th thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 mà hai bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 02/8/2023 địa phương cung cấp ông Thắng có đăng ký thường trú tại số 34/25 khu phố Bình Quới A, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng hiện nay ông T không có ở tại địa chỉ trên do nhà trên đã bán cho người khác, hiện nay ông Thắng ở đâu địa phương không rõ. Tại hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 thể hiện nơi cư trú cuối cùng của ông Thắng là tại địa chỉ số 34/25 khu phố Bình Quới A, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung:

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn Th không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến nên được xem là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thể hiện ông Thắng có ký tên có xác nhận. Ngoài ra tại đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/3/2022 ông T có yêu cầu chuyển khoản vào tài khoản của người thụ hưởng chủ tài khoản là Công ty TNHH một thành viên H - Bình Dương; số tài khoản 613 704 060 198 742 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế B - Chi nhánh Bình Dương và tại giấy báo có ngày 30/3/2022 tên tài khoản Công ty TNHH MTV H - Bình Dương; số tài khoản 613 704 060198 742 có thể hiện ngày đã nhận được số tiền 840.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Quốc tế B. Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng đến tháng 10/2022 ông T đã thanh toán được số tiền 86.419.831 đồng trong đó tiền gốc 52.500.000 đồng và tiền lãi 33.919.831 đồng.

Đối với đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế B và ông Nguyễn Văn Th thể hiện có chữ ký của ông

Thắng và của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế B; từ khi ký kết hợp đồng tín dụng và nhận thẻ tín dụng đến tháng 10/2022 ông Thắng có sử dụng thẻ, có phát sinh nợ, tính đến ngày 24/9/2023 ông Th còn nợ tổng cộng 89.413.288 đồng, trong đó nợ gốc là: 42,487,869 đồng, nợ lãi là: 14,154,436 đồng, phí là 32,770,983 đồng, được thể hiện tại bản sao kê tài khoản mà Ngân hàng đã cung cấp.

Về lãi suất: Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 3, Điều 4 Thông tư 08/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế và Điều 11 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng có quy định giữa tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận mức lãi suất. Theo nội dung hợp đồng đã ký giữa 02 bên thoả thuận lãi suất theo thông báo của Ngân hàng ghi trong sao kê và quá trình thực hiện hợp đồng hai bên vẫn áp dụng mức lãi suất này là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do ông Nguyễn Văn Th không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận quy định tại hợp đồng về việc thanh toán số tiền vay cho Ngân hàng là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Th thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phạt chậm thanh toán tại hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 tính đến ngày 24/9/2023 là 1.015.276.426 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 463; 465; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, ông Th phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh và các khoản phí khác kể từ ngày 25/9/2023 trên số tiền dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam với ông Nguyễn Văn Th là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế B.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lệ phí tố tụng: Lệ phí đăng báo và phát sóng là 2.378.474 đồng, do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế B được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Th phải thanh toán lại số tiền trên cho nguyên đơn.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 463; 465; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế B đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế B tổng số tiền 925.863.138 đồng (chín trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm ba mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 787.500.000 đồng, nợ lãi là: 17.390.193 đồng, nợ lãi quá hạn là: 120.972.945 đồng tại hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022.

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế B số tiền 89.413.288 đồng (tám mươi chín triệu, bốn trăm mười ba nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 42.487.869 đồng, nợ lãi là: 14.154.436 đồng, phí là 32.770.983 đồng tại đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022.

Tổng cộng là 1.015.276.426 đồng (một tỷ, mười lăm triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 25/9/2023 trên số tiền dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 3858068.22 ngày 29/3/2022 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 30/3/2022 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 42.458.293 đồng (bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế B số tiền 18.927.800 đồng (mười tám triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004620 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về lệ phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) số tiền 2.378.474 đồng (hai triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ